

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 177/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2025, gồm các nội dung sau:

1. Tổng diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng: 39.253,40 ha, trong đó

1.1. Diện tích rừng (bao gồm cả diện tích đã trồng cây rừng chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ): 36.439,85 ha, trong đó:

a) Diện tích có rừng tự nhiên: 27.967,65 ha (rừng đặc dụng 15.878,77 ha; rừng phòng hộ 10.785,03 ha; rừng sản xuất 311,13 ha; mục đích khác 992,72 ha).

b) Diện tích có rừng trồng: 7.135,67 ha (rừng đặc dụng: 1.341,73 ha; rừng phòng hộ 3.137,76 ha; rừng sản xuất 2.355,59 ha; mục đích khác 300,59 ha).

c) Diện tích đã trồng cây rừng (chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ rừng): 1.336,53 ha.

1.2. Diện tích có cây tái sinh: 116,28 ha.

1.3. Diện tích khác: 2.697,27 ha.

2. Diện tích rừng đủ tiêu chí để tính tỷ lệ che phủ rừng là 35.103,32 ha (rừng đặc dụng 17.220,50 ha; rừng phòng hộ 13.922,79 ha; rừng sản xuất 2.666,72 ha; mục đích khác 1.293,31 ha). Tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh 8,90%.

3. Biểu tổng hợp kết quả theo dõi diễn biến rừng, gồm:

- a) Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo mục đích sử dụng.
- b) Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo chủ rừng và tổ chức được giao quản lý.
- c) Tổng hợp tỷ lệ che phủ rừng.
- d) Tổng hợp diễn biến diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng theo các nguyên nhân.
- e) Diện tích rừng trồng phân theo loài cây và cấp tuổi.

(Chi tiết có Biểu số 02, 03, 04, 05 và 06 kèm theo).

4. Cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình bao gồm bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng giấy và dạng số).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý toàn bộ cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng của tỉnh; chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý lâm nghiệp; tổ chức cập nhật, theo dõi diễn biến rừng hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường có rừng, đơn vị chủ rừng, các tổ chức, cá nhân liên quan quản lý, khai thác và sử dụng kết quả theo dõi diễn biến rừng có hiệu quả, đúng quy định; sử dụng số liệu diễn biến rừng làm cơ sở để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng và các chương trình khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Chi cục trưởng Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3

LNT_QĐ11

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng